

Số: **152**/NQ-HĐND

Chư Pưh, ngày **14** tháng **7** năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình
mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2023**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PƯH
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg, ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg, ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC, ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND, ngày 08/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐND, ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quy định nội dung, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 41/NQ-HĐND, ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quy định nội dung và mức chi đặc thù triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 611/QĐ-UBND, ngày 17/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới năm 2023;

Xét Tờ trình số 68/TTr-UBND ngày 11/5/2023 của Ủy ban nhân dân huyện về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2023; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2023, cụ thể như sau:

Tổng vốn sự nghiệp phân bổ:	6.494,6 triệu đồng.
trong đó:	
- Ngân sách trung ương:	2.921 triệu đồng;
- Ngân sách trung tỉnh:	997 triệu đồng;
- Ngân sách huyện:	2.490,9 triệu đồng;
<i>(Ngân sách huyện đã bố trí đối ứng tại Nghị quyết số 113/NQ-HĐND, ngày 29/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện về việc thông qua dự toán thu, chi và phương án phân bổ ngân sách năm 2023)</i>	
- Ngân sách cấp xã lồng ghép:	85,7 triệu đồng.
<i>(có phụ lục chi tiết kèm theo)</i>	

Ngân sách trung ương và ngân sách huyện hỗ trợ một phần cho địa phương theo nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được Thủ tướng Chính phủ và Hội đồng nhân dân tỉnh quy định.

Các xã, thị trấn chủ động bố trí vốn ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện hoàn thành các mục tiêu của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 2. Điều khoản thi hành

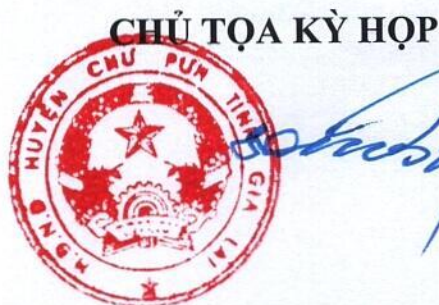
Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này. Chỉ đạo các phòng ban, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được Thủ tướng Chính phủ và Hội đồng nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân huyện giao.

Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban Hội đồng nhân dân huyện, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân huyện và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện khóa X, Kỳ họp thứ Mười thông qua ngày 13 tháng 07 năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Kế hoạch đầu tư;
- Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp&PTNT;
- Sở Lao động TB&XH;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy;
- UBND huyện;
- UBMTTQ huyện;
- Các cơ quan, ban ngành thuộc huyện;
- Tổ đại biểu HĐND tỉnh;
- Các vị Đại biểu HĐND huyện;
- Thường trực HĐND, UBND cấp xã;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu VT, HĐ.



CHỦ TỌA KỲ HỌP
PHÓ CHỦ TỊCH HĐND HUYỆN
Vũ Văn Hường



Phụ lục 01
VỐN SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2023
Ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Chư Puth

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Chương trình	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Trong đó			Ghi chú
				Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	
	TỔNG CỘNG	6.494,6	2.921	3.574	2.490,9	85,7	
1	Thực hiện các nội dung của Chương trình	5.839,6	2.363	3.477	2.490,9	85,7	Chi tiết từ Phụ lục 02 đến Phụ lục 10 kèm theo. Ngân sách huyện đối ứng 2.569,3 triệu đồng, trong đó 2.490,9 triệu đồng đã phân bổ cho các phòng ban đơn vị để thực hiện nhiệm vụ tại Nghị quyết 113/NQ-HĐNG ngày 29/12/2022 của HĐND huyện Thông qua dự toán thu, chi và phương án phân bổ Ngân sách năm 2023; kinh phí 85,7 triệu đồng theo dõi, đánh giá bộ chỉ số nước sạch nông thôn năm 2023 các xã đối ứng
2	Chương trình mỗi xã một sản phẩm - OCOP	611	514	97			Chi tiết tại Phụ lục 11, 12, 13 kèm theo
3	Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới	44	44	-			Chi tiết tại Phụ lục 14 kèm theo



Phụ lục 02

BẢNG TỔNG HỢP PHÂN BỐ KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THEO NỘI DUNG THÀNH PHẦN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU

QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2023

(kèm theo Nghị quyết số 152/NQ-HĐND, ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Chư Pưh)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Trong đó		
					Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã
	TỔNG CỘNG	5.839,60	2.363	3.476,6	900	2.576,6	85,70
1	Nội dung thành phần số 01: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch	996	-	996	900	96	
	Nội dung 01: Rà soát, điều chỉnh, lập mới (trong trường hợp quy hoạch đã hết thời hạn) và triển khai, thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã gắn với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa theo quy định pháp luật về quy hoạch, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương	196		196	100	96	
	Nội dung 02: Rà soát, điều chỉnh lập quy hoạch xây dựng vùng huyện gắn với quá trình công nghiệp hóa - đô thị hóa	800		800	800		
2	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội	-	-	-	-	-	
	Nội dung 02: Hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống thủy lợi và phòng chống thiên tai cấp xã, huyện	-		-			
	Nội dung 09: Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở; phát triển và duy trì các điểm cung cấp dịch vụ bưu chính	-		-			
	Duy tu, bảo dưỡng	-		-			
3	Nội dung thành phần số 03: Triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn...	3.024	1.314	1.710	-	1.709,6	
	Nội dung 02: Xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, cơ giới hóa đồng bộ, nâng cao năng lực chế biến và bảo quản nông sản theo các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu chuẩn chất lượng và mã vùng nguyên liệu; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp	2.734	1.024	1.710		1.709,6	
	Nội dung 05: Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất	-		-			
	Nội dung 09: Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gắn với nhu cầu của thị trường; hỗ trợ thúc đẩy và phát triển các mô hình khởi nghiệp, sáng tạo ở nông thôn	290	290	-			
4	Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn (Phụ lục 08, phụ lục 13)	1.267	727	540	-	540	
	Nội dung 01: Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn, gắn với các tổ chức cộng đồng, đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí, nâng cao sức khỏe cho người dân (nhất là trẻ em, phụ nữ và người cao tuổi). Phát động các phong trào thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe, văn hóa, văn nghệ quần chúng; nhân rộng mô hình câu lạc bộ hoạt động văn hóa văn nghệ nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống	1.267	727	540		540	
5	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam	100	-	100	-	100	
	Nội dung 02: Thu gom, tái chế, tái sử dụng các loại chất thải (phụ phẩm nông nghiệp, chất thải chăn nuôi, bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng, chất thải nhựa...) theo nguyên lý tuần hoàn; tăng cường công tác quản lý chất thải nhựa trong hoạt động sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp ở Việt Nam; xây dựng cộng đồng dân cư không rác thải nhựa	100		100		100	

STT	Nội dung	Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Trong đó		
					Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã
	Nội dung 05: Giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; tăng tỷ lệ trồng hoa, cây xanh phân tán gắn với triển khai Đề án trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025; tập trung phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn; khu dân cư kiểu mẫu	-		-			
6	Nội dung thành phần số 08: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong NTM, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, xây dựng NTM thông minh; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới (Phụ lục 13)	-	-	-	-	-	
	Nội dung 04: Tăng cường hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, giải quyết hòa giải, mâu thuẫn ở khu vực nông thôn	-		-			
	Nội dung 06: Tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; tăng cường chăm sóc, bảo vệ trẻ em và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	-		-			
7	Nội dung thành phần số 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM	-	-	-	-	-	
	Nội dung 01: Tiếp tục tổ chức triển khai Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh”; nâng cao hiệu quả thực hiện công tác giám sát và phản biện xã hội trong xây dựng NTM; tăng cường vận động, phát huy vai trò làm chủ của người dân trong xây dựng NTM; nâng cao hiệu quả việc lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng NTM	-		-			
	Nội dung 02: Triển khai hiệu quả phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; xây dựng các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự” và “5 cùng”	-		-			
	Nội dung số 05: Vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”	-		-			
8	Nội dung thành phần số 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn	-	-	-	-	-	
	Nội dung 01: Tăng cường công tác bảo đảm an ninh, trật tự ở địa bàn nông thôn; nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; củng cố, xây dựng, nhân rộng các mô hình tổ chức quần chúng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo hướng tự phòng, tự quản, tự vệ, tự hòa giải...; triển khai hiệu quả Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025	-		-			
9	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	453	322	131	-	131	85,7
	Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình	132	132	-			
	Nội dung 03: Đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của người dân và cộng đồng về phát triển kinh tế nông nghiệp và xây dựng NTM	40	40	-			
	Nội dung 04: Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy của cán bộ, người dân về xây dựng NTM; thực hiện có hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng NTM	150	150	-			
	Nội dung 05: Kinh phí quản lý Chương trình	45		45		45	

STT	Nội dung	Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Trong đó		
					Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã
	Nội dung 06: Theo dõi, đánh giá bộ chỉ số nước sạch nông thôn	85,70		85,7			85,70

th

BẢNG PHÂN BỐ CHI TIẾT KINH PHÍ SẢN NGHIỆP THEO NỘI DUNG THÀNH PHẦN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2023

Phụ lục 03

Ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Chư Prông

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Địa bàn, đơn vị	Tổng kinh phí			Nội dung thành phần số 1: Tổng cộng			Nội dung thành phần số 2: Phát triển hạ tầng KT-XH			Nội dung thành phần số 3: Tiếp tục thực hiện hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn			Nội dung thành phần số 4: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa nông thôn			Nội dung thành phần số 5: Nâng cao chất lượng môi trường			Nội dung thành phần số 6: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới			Nội dung thành phần số 7: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực, truyền thông xây dựng nông thôn mới		
		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó	
			NS Trung ương	NS cấp tỉnh		NS Trung ương	NS cấp tỉnh		NS Trung ương	NS cấp tỉnh		NS Trung ương	NS cấp tỉnh		NS Trung ương	NS cấp tỉnh		NS Trung ương	NS cấp tỉnh		NS Trung ương	NS cấp tỉnh		NS Trung ương	NS cấp tỉnh
																	</								



Phụ lục 04

Nội dung thành phần số 01: NANG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ VÀ THỰC HIỆN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI THEO QUY HOẠCH (theo Quyết định số 152/NQ-HĐND, ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Chư Pưh)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Địa bàn, đơn vị	Tổng kinh phí				Nội dung 01: Kinh phí hỗ trợ quy hoạch xã nông thôn mới				Nội dung 02: Kinh phí hỗ trợ quy hoạch vùng huyện				Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó			Tổng cộng	Trong đó			Tổng cộng	Trong đó			
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách Trung ương		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh					
	Tổng cộng	900	-	900	-	100	-	100	-	800	-	800		Tại theo Tờ trình số 19/TTTr-KTHT ngày 11/01/2023 của Phòng Kinh tế-HT đăng ký nhu cầu: - Quy hoạch vùng huyện: Tổng kinh phí là 3.321,4 triệu đồng (năm 2023: 800 triệu đồng; năm 2024: 2.521,422 triệu đồng).
1	Phòng Kinh tế-Hạ tầng	800	-	800	-	-	-	-	-	800	-	800		
2	Xã Ia Blứ	12,5	-	12,5	-	12,5	-	12,5	-	-	-	-		
3	Xã Ia Le	12,5	-	12,5	-	12,5	-	12,5	-	-	-	-		
4	Xã Ia Phang	12,5	-	12,5	-	12,5	-	12,5	-	-	-	-		
5	Xã Ia Hnú	12,5	-	12,5	-	12,5	-	12,5	-	-	-	-		
6	Xã Ia Rong	12,5	-	12,5	-	12,5	-	12,5	-	-	-	-		
7	Xã Ia Dreng	12,5	-	12,5	-	12,5	-	12,5	-	-	-	-		
8	Xã Ia Hla	12,5	-	12,5	-	12,5	-	12,5	-	-	-	-		
9	Xã Chư Don	12,5	-	12,5	-	12,5	-	12,5	-	-	-	-		

Handwritten signature or mark.



Phụ lục 05

Nội dung thành phần số 03: TIẾP TỤC THỰC HIỆN CÓ HIỆU QUẢ CƠ CẤU LẠI NGÀNH NÔNG NGHIỆP, PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG THÔN
(Thêm vào Nghị quyết số 14/NQ-HĐND, ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Chư Pưh)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Địa bàn, đơn vị	Nội dung 02: Chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng; Truy xuất nguồn gốc sản phẩm chủ lực (1)				Nội dung 02: Chi hỗ trợ dự án liên kết sản xuất (2)				Nội dung 05: Chi nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất (Hỗ trợ tập huấn cho các Hợp tác xã) (3)				Nội dung 09: Chi đào tạo nghề cho lao động nông thôn (4)			
		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh		Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh		Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh		Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh		Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	
	Tổng cộng	1.314	1.314	-	45	45	-	979	979	-	-	-	-	290	290	-	-
I	Cấp huyện	1.269	1.269	-	-	-	-	979	979	-	-	-	-	290	290	-	-
1	Phòng Nông nghiệp và PTNPT	979	979	-	-	-	-	979	979	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Phòng Lao động - Thương binh & XH	290	290	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	290	290	-	-
II	Cấp xã	45	45	-	45	45	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Xã Ia Hla	45	45	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Cơ sở đề xuất: Căn cứ quy định tại: Điều 10, 11, 16, 21 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 314/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 của UBND tỉnh phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

(1) Theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐND: Hỗ trợ 100% chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng (lần đầu), không quá 05 triệu đồng/mã số; hỗ trợ 01 lần 100% kinh phí tư vấn thiết lập và áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm chủ lực, không quá 45 triệu đồng/cơ sở; Xã Ia Hla truy xuất nguồn gốc sản phẩm sầu riêng tại Báo cáo số 05/BC-UBND ngày 27/01/2023 của UBND xã Ia Hla.

(2) Chi hỗ trợ các dự án liên kết sản xuất: Kế hoạch mở rộng chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nhân Hương Chi theo chuỗi giá trị trên địa bàn huyện Chư Pưh.

(4) Tổng hợp nhu cầu đăng ký của Phòng Lao động - Thương binh & XH tại Công văn số 15/LĐTBXH-LĐVL ngày 11/01/2023

Nội dung thành phần số 06: NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA NÔNG THÔN
(kèm theo Nghị quyết số **14**/NQ-HĐND, ngày **14**/7/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Chư Pưh)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Địa bàn, đơn vị	 Tổng kinh phí			Nội dung 01: Chi mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các thiết chế văn hóa (1)				Nội dung 02: Chi hỗ trợ xây dựng tủ sách cho Trung tâm Văn hóa – Thể thao xã, Nhà Văn hóa – Khu thể thao thôn (2)				Nội dung 03: Chi hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với thiết chế văn hóa, thể thao xã, thôn (3)			
					Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó	
						Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh		Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh		Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh		Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh
	Tổng cộng	727	727	-	647	647	-	80	80	-	-	-	-	-		
1	Xã Ia Le	297	297	-	297	297		-								
2	Xã Ia Phang	100	100	-	50	50		50	50							
3	Xã Ia Hnú	150	150	-	150	150		-								
4	Xã Ia Rong	30	30	-	-	-		30	30							
5	Xã Ia Dreng	150	150	-	150	150		-								

Cơ sở đề xuất: Điều 26 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Nghị quyết số 44/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh.

(1) Theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 44/2022/NQ-HĐND: Nhà văn hóa - Thể thao cấp xã hỗ trợ 80 triệu đồng/thiết chế; Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn hỗ trợ 50 triệu đồng/thiết chế. Kinh phí đã hỗ trợ nhà văn hóa thể thao trong giai đoạn 2018-2021 là 63 triệu đồng (xã Ia Hnú 33 triệu, xã Ia Dreng 30 triệu), đề xuất phân bổ kinh phí năm 2023: 647 triệu đồng, trong đó: xã Ia Phang 5 triệu (hỗ trợ 01 thôn), xã Ia Le 297 triệu (hỗ trợ 06 thôn), xã Ia Hnú 150 triệu (hỗ trợ 03 thôn), xã Ia Dreng 150 triệu (hỗ trợ 03 thôn).

(2) Theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 44/2022/NQ-HĐND: Thư viện, tủ sách xã hỗ trợ 50 triệu đồng/tủ sách, tủ sách thôn hỗ trợ 30 triệu đồng/tủ sách. Xã Ia Phang hỗ trợ 01 tủ sách xã và Ia Rong hỗ trợ 01 tủ sách thôn;



Nội dung thành phần số 11: TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC CHĂM SÓC, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH; NÂNG CAO NĂNG LỰC, TRUYỀN THÔNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND, ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Chư Pưh)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Địa bàn, đơn vị	Tổng kinh phí				Nội dung 01: Kinh phí quản lý Chương trình (1)				Nội dung 01: Kinh phí theo dõi, đánh giá bộ chỉ số nước sạch nông thôn (2)				Nội dung 03: Chi đạo tạo, tập huấn nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới (3)				Nội dung 04: Chi truyền thông, tuyên truyền chương trình nông thôn mới (4)			
		Tổng cộng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Tổng cộng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Tổng cộng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Tổng cộng
	Tổng cộng	407,70	322			85,7	132	132	-			86	-		40	40	-	150	150	-	-
I	Cấp huyện	130	130				20	20	-			-	-		40	40	-	70	70	-	-
1	Phòng Nông nghiệp và PTNT	20	20				20	20				-			-			-			
2	Trung tâm Văn hóa - Thông tin và TT huyện	70	70				-					-			-			70	70		
3	Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện	40	40																		
II	Cấp xã	278	192			85,7	112	112	-			85,7	-		40	-	-	80	80	-	-
1	Xã Ia Bư	29	24			5,4	14	14				5,4	-		-			10	10		
2	Xã Ia Le	44	24			20,4	14	14				20,4	-		-			10	10		
3	Xã Ia Phang	33	24			8,9	14	14				8,9	-		-			10	10		
4	Xã Ia Hư	38	24			13,5	14	14				13,5	-		-			10	10		
5	Xã Ia Rong	33	24			8,9	14	14				8,9	-		-			10	10		
6	Xã Ia Dreng	29	24			5,4	14	14				5,4	-		-			10	10		
7	Xã Ia Hla	38	24			14,3	14	14				14,3	-		-			10	10		
8	Xã Chư Don	33	24			8,9	14	14				8,9	-		-			10	10		



Phụ lục 08

KINH PHÍ SỰ NGHIỆP ĐỐI ƯNG NGÂN SÁCH HUYỆN, XÃ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2023

(kèm theo Nghị quyết số 152/NQ-HĐND, ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Chư Pưh)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí	Ghi chú
	Tổng cộng	2.576,60	
1	Nội dung thành phần số 1: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch	96,3	
	Nội dung 01: Quy hoạch xã nông thôn mới	96,3	
2	Nội dung thành phần số 2: Phát triển hạ tầng KT-XH	-	
	Nội dung 02: Tưới nước tiên tiến, tiết kiệm		
	Duy tu bảo dưỡng		
3	Nội dung thành phần số 3: Tiếp tục thực hiện hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn	1.709,6	
	Nội dung 02: Chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng; Truy xuất nguồn gốc sản phẩm chủ lực	137	
	Nội dung 02: Chi hỗ trợ các dự án liên kết sản xuất; Phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp, phát triển làng nghề	1.572,6	
	Nội dung 05: Chi nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất		
4	Nội dung thành phần số 6: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa nông thôn	540	
	Nội dung 01: Chi mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các thiết chế văn hóa		
	Nội dung 01: Chi hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với thiết chế văn hóa, thể thao xã, thôn	540	
5	Nội dung thành phần số 7: Nâng cao chất lượng môi trường	100	
	Nội dung 02: Tổ chức phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn	100	
	Nội dung 05: Chi hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch đẹp, an toàn		
6	Nội dung thành phần số 08: Nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công, hoạt động của chính quyền cơ sở	-	
	Nội dung 04: Chi phổ biến, giáo dục pháp luật		
	Nội dung 06: Chi tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; tăng cường chăm sóc, bảo vệ trẻ em và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội		
7	Nội dung thành phần số 9: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới	-	
	Nội dung 01: Thực hiện Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"; hỗ trợ lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới		
	Nội dung 02: Chi triển khai Phong trào "Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững"; xây dựng các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc "5 tự" và "5 cùng"		

	Nội dung 05: Chi vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”		
8	Nội dung thành phần số 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn	-	
	Nội dung 01: Tăng cường đảm bảo an ninh, trật tự nông thôn		
9	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực, truyền thông xây dựng nông thôn mới	130,70	
	Nội dung 01: Kinh phí quản lý Chương trình	45	
	Nội dung 01: Theo dõi, đánh giá bộ chỉ số nước sạch nông thôn	85,70	



Phụ lục 09

Tổng hợp kinh phí đối ứng ngân sách huyện đối ứng chi tiết (Giao tại Nghị quyết 113/NQ-HĐNG ngày 29/12/2022 của HĐND huyện Thông qua dự toán thu, chi và phương án phân bổ Ngân sách năm 2023)

(kèm theo Nghị quyết số **52**/NQ-HĐND, ngày **14**/7/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Chư Pưh)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

stt	Huyện, xã	Tổng kinh phí phân bổ	Ghi chú
	Tổng cộng	2.490,9	
1	Phòng Nông nghiệp và PTNT	137,0	
	Hỗ trợ đánh giá, duy trì chứng nhận VietGap, hỗ trợ mã vùng trồng, truy suất nguồn gốc	137,0	
2	Văn phòng Nông thôn mới	45,0	
	Kinh phí hoạt động văn phòng nông thôn mới	45,0	
2	Trung tâm DVNN huyện	1.437,62	
	Mua vaccin và phòng chống dịch bệnh động vật	972,3	
	Nhân rộng mô hình lai cải tạo đàn dê	180,0	
	Mô hình sản xuất cây chuyên canh (cây sầu riêng)	136,82	
	Hỗ trợ tái canh cây cà phê	148,5	
3	Ban quản lý Công trình đô thị & VSMT	100,0	
	Mua thùng rác và xe cải tiến đặt tại các xã, TT	100,0	
4	Trung tâm Văn hóa TT và TT	355,5	
	Tổ chức và tham gia các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao	355,5	
5	Phòng Văn hóa - TT	184,5	
	Mở lớp dạy công chiêng và mua 02 bộ công chiêng phục vụ cho bảo tồn văn hóa	148,5	
	Tổ chức hội thi thể thao	36,0	
5	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	96,3	
	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết chợ và khu đất dịch vụ xã Ia Le	69,3	
	Cắm mốc điều chỉnh quy hoạch quy hoạch chi tiết chợ và khu đất dịch vụ xã Ia Le	27,0	
7	Hội nông dân huyện	135,0	
	Mô hình phát triển kinh tế	135,0	



Phụ lục 10

Kinh phí ngân sách cấp xã đối ứng theo dõi, đánh giá bộ chỉ số nước sạch nông thôn năm 2023

(kèm theo Nghị quyết số **152**/NQ-HĐND, ngày **14**/7/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Chư Pưh)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

stt	Huyện, xã	Đơn vị tính	Số mẫu	Kinh phí
	Tổng cộng			85,70
1	Xã Ia Hrú	Mẫu	9,0	13,5
2	Xã Ia Blư	Mẫu	3,0	5,4
3	Xã Ia Le	Mẫu	12,0	20,4
4	Xã Ia Rong	Mẫu	5,0	8,9
5	Xã Ia Dreng	Mẫu	3,0	5,4
6	Xã Ia Phang	Mẫu	5,0	8,9
7	Xã Ia Hla	Mẫu	8,0	14,3
8	Xã Chư Don	Mẫu	5,0	8,9

CHƯƠNG TRÌNH MỚI XÃ MỘT SẢN PHẨM - OCOP
(theo Thông tư số 14/NQ-HĐND, ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Chư Prut)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Đơn vị	Tổng kinh phí			Hỗ trợ sản phẩm (2)			Tập huấn, hội nghị (3)			Hỗ trợ điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP (4)			Trao chứng nhận và Khen thưởng các sản phẩm OCOP đạt sao năm 2023 (5)			Tuyên truyền, xúc tiến thương mại sản phẩm (6)		
		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó	
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh		Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh		Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh		Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh		Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh		Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh
	Tổng cộng	611	514	97	437	340	97	35	35	30	30	76	76	-	-	-	-	-	-
1	Phòng Nông nghiệp và PTNT	611	514	97	437	340	97	35	35	30	30	76	76	-	-	-	-	-	-

Cơ sở để xuất: Căn cứ quy định tại Điều 13 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh.

(1) Phân hạng sản phẩm hỗ trợ theo dự toán nhu cầu kinh phí của Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh, phân hạng sản phẩm cấp huyện chi tiết tại Phụ lục 15 kèm theo

(2) Chi tiết tại Phụ lục 16 kèm theo

(3) Theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 53/2022/TT-BTC; Điều 4, Điều 5 Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính; Nghị quyết số 98/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh; Dự kiến hỗ trợ bình quân 35 triệu đồng/huyện

(4) Theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 13 Thông tư số 53/2022/TT-BTC hỗ trợ tối đa không quá 50% tổng kinh phí xây dựng điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 03/8/2020 theo đó tại khoản 3 Điều 7 quy định hỗ trợ 90% kinh phí xây dựng trung tâm, điểm bán hàng và giới thiệu sản phẩm làng nghề nhưng không quá 50 triệu đồng/dự án. Dự kiến hỗ trợ kinh phí xây dựng điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP 30 triệu đồng/huyện.

(5) Căn cứ quy định tại điểm h khoản 2 Điều 13 Thông tư số 53/2022/TT-BTC; khoản 4 Điều 4 Thông tư số 126/2018/TT-BTC ngày 26/12/2018 của Bộ Tài chính; Năm 2022 UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 công nhận sản phẩm hàng 3 sao, 4 sao tương ứng giải ba, giải nhì, kinh phí khen thưởng cấp về Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh để trao lại cho các chủ thể. Năm 2023, dự kiến cấp huyện công nhận sản phẩm OCOP hàng 3 sao nên kinh phí giao trực tiếp về cấp huyện, cấp tỉnh công nhận sản phẩm hàng 4 sao, kinh phí giao về Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh, dự kiến phân bổ theo nhu cầu đăng ký các sản phẩm đạt sao của các địa phương.

(6) Hỗ trợ theo dự toán nhu cầu kinh phí của Sở Công thương tại Công văn số 68/SCT-VP ngày 13/01/2023.

Phụ lục 12
BẢNG KINH PHÍ PHÂN HẠNG SẢN PHẨM CẤP HUYỆN CHƯƠNG TRÌNH OCOP NĂM 2023
(theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND, ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Chư Pưh)

STT	Đơn vị	Văn phòng phẩm (1)		Chi phí của thành viên hội đồng đánh giá (2)		Nước uống (3)		Maket (4) (1.000 đồng)	Thuê hội trường, máy chiếu (5)		Vận chuyển mẫu (6) (1.000 đồng)	Tổng cộng (1.000 đồng)	Lâm tròn
		Số sản phẩm	Thành tiền (1.000 đồng)	Số ngày	Thành tiền (1.000 đồng)	Số ngày	Thành tiền (1.000 đồng)		Số ngày	Thành tiền (1.000 đồng)			
1	Phòng Nông nghiệp và PTNT	12	18.000	2,0	7.800	2,0	960	500	2,0	4.000	2.000	33.260	33.000
	Tổng cộng	12	18.000	2,0	7.800	2	960	500	2	4.000	2.000	33.260	33.000

Ghi chú:

- (1) Chi văn phòng phẩm phục vụ các cuộc họp đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP trên cơ sở các hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 13 Thông tư số 53/2022/TT-BTC; điểm g khoản 2 Điều 4 Thông tư số 15/2022/TT-BTC; Tài liệu họp hội nghị đánh giá cấp huyện và hồ sơ gửi hội đồng đánh giá cấp tỉnh, dự kiến bình quân mỗi sản phẩm 1.500.000 đồng (bao gồm: Photo bìa, giấy, bút, ... 50.000 đ; 01 bộ in màu 450.000 đ; 10 bộ photo 1.000.000 đ).
- (2) Căn cứ quy định tại điểm g khoản 2 Điều 4 Thông tư số 15/2022/TT-BTC; điểm c khoản 1 Điều 5 Thông tư số 14/2014/TTLT-BTC-BTP; điểm a khoản 1 Điều 8 Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 25/5/2016 của UBND tỉnh: Định mức chi Hội đồng cơ sở bao gồm Chủ tịch hội đồng 750.000 đồng/ngày; PCT hội đồng và thành viên 500.000 đồng/người/ngày; thư ký 150.000 đồng/người/ngày (dự kiến 01 chủ tịch, PCT và thành viên 06 người, 01 thư ký tương ứng 3.900.000 đồng * số ngày).
- (3) Theo quy định tại khoản 2 Phần II Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh: Chi giải khát giữa giờ 20.000 đồng/01 buổi (mùa ngày)/đại biểu (40.000 đồng/ngày * số ngày * dự kiến 12 đại biểu/huyện).
- (4) Trên cơ sở các hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 13 Thông tư số 53/2022/TT-BTC; điểm g khoản 2 Điều 4 Thông tư số 15/2022/TT-BTC; Dự kiến hỗ trợ mỗi huyện 500.000 đồng/market.
- (5) Căn cứ quy định điểm g khoản 2 Điều 4 Thông tư số 15/2022/TT-BTC; điểm k khoản 1 Điều 5 Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP: Kinh phí thuê hội trường và thiết bị phục vụ cuộc thi tối đa 10 triệu đồng/ngày. Dự kiến hỗ trợ 2 triệu đồng/ngày cho các huyện, thị xã, thành phố.
- (6) Kinh phí vận chuyển mẫu sản phẩm và hồ sơ về Hội đồng cấp tỉnh theo hợp đồng thuê phương tiện quy định tại khoản 9 Điều 5, điểm h khoản 2 Điều 13 Thông tư số 53/2022/TT-BTC; điểm c khoản 9 Điều 4 Thông tư số 15/2022/TT-BTC: Dự kiến hỗ trợ 2 triệu đồng/huyện. Riêng thành phố Pleiku không hỗ trợ.



Phụ lục 13
KINH PHÍ HỖ TRỢ SẢN PHẨM OCOP NĂM 2023
(tính theo Nghị quyết số 19/NQ-HĐND, ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Chư P.ơh)

STT	Địa bàn, đơn vị	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương (triệu đồng)	Trong đó						Ngân sách tỉnh	Trong đó					
				Hỗ trợ chi phí bảo vệ, hệ thống cho sản phẩm OCOP đánh giá năm 2023 (1)		Hỗ trợ in bao bì, nhãn cho sản phẩm năm 2019, 2020 đánh giá lại (2)		Hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu các sản phẩm OCOP (3)			Hỗ trợ chi phí kiểm nghiệm cho sản phẩm OCOP đánh giá năm 2023 (4)		Hỗ trợ chi phí kiểm nghiệm cho sản phẩm năm 2019, 2020 đánh giá lại (5)		Hỗ trợ chi phí kiểm nghiệm cho sản phẩm OCOP đề nghị nâng hạng sao (6)	
				số sản phẩm	Thành tiền (triệu đồng)	số sản phẩm	Thành tiền (triệu đồng)	số sản phẩm	Thành tiền (triệu đồng)		số sản phẩm	Thành tiền (triệu đồng)	số sản phẩm	Thành tiền (triệu đồng)	số sản phẩm	Thành tiền (triệu đồng)
1	Phòng Nông nghiệp và PTNT	437	340	5	150	6	120	2	70	97	5	50	6	42	1	5
Tổng		437	340	5	150	6	120	2	70	97	5	50	6	42	1	5

Có sự đề xuất Căn cứ quy định tại Điều 13 Thông tư số 53/2022/TT-BTC; Điều 2 Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh.

(1) Theo quy định điểm g khoản 2 Điều 13 Thông tư số 53/2022/TT-BTC; khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND; Hỗ trợ 30 triệu đồng/sản phẩm.

(2) Dự kiến mức chi 20 triệu đồng/sản phẩm khi in bao bì, nhãn sản phẩm đánh giá lại, không hỗ trợ chi phí thiết kế bao bì.

(3) Theo quy định điểm e khoản 2 Điều 13 Thông tư số 53/2022/TT-BTC; Mức hỗ trợ tối đa không quá 35 triệu đồng/nhãn hiệu.

(4), (5), (6) Theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh. SP mới hỗ trợ tối đa 100% chi phí kiểm nghiệm, không quá 10 triệu đồng/sp; SP đánh giá lại hỗ trợ tối đa 70% chi phí kiểm nghiệm, không quá 7 triệu đồng/sp; SP nâng hạng hỗ trợ tối đa 50% chi phí kiểm nghiệm, không quá 5 triệu đồng/sp.

CHƯƠNG TRÌNH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ THỰC HIỆN TIÊU CHÍ AN NINH, TRẬT TỰ TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(kèm theo Nghị quyết số **152/NQ-HĐND**, ngày **14/7/2023** của Hội đồng nhân dân huyện Chư Pưh)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Địa bàn, đơn vị	Tổng kinh phí ngân sách Trung ương hỗ trợ	Tuyên truyền về công tác công an thực hiện Chương trình	Bổ dưỡng về công tác đảm bảo ANTT địa bàn nông thôn	Xây dựng, củng cố, duy trì, sơ kết, tổng kết nhân rộng mô hình, điển hình về đảm bảo ANTT xây dựng NTM
	Tổng cộng	44	-	-	44
1	Công an huyện	44			44

Cơ sở để xuất: Phân bổ cho Công an huyện thực hiện các nội dung theo Quyết định số 926/QĐ-TTg ngày 02 tháng 08 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại Kế hoạch số 179/KH-UBND ngày 19/01/2023.